

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-10-2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày **09** tháng **10** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐHPTST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị NTM, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

**\* Bị đơn:** Anh NBB, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Chị NTM - *Có mặt.*

Anh NBB - *Vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị NTM trình bày:**

**Về hôn nhân:** Chị kết hôn với anh NBB năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội ngày 14/9/2015. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (tại nhà bố mẹ anh B).

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên không thể hòa hợp và thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân do anh NBB mãi chơi không chịu làm ăn và không quan tâm đến vợ và các con. Bản thân chị với tư cách làm vợ đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội để ở từ đó cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để cả hai ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 và cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu NBA đang ở cùng anh NBB, cháu NHA1 đang sống cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng hiện cháu NBA đang sống cùng anh B nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu thứ hai là cháu NHA1 và dành quyền nuôi dưỡng con chung là cháu NBA cho anh B nuôi dưỡng để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn – anh NBB mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh NBB đều vắng mặt không có lý do, không trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị M cũng như vấn đề về con chung và tài sản chung.*

*\* Tại Biên bản ghi lời khai của Tòa án ngày 28/8/2019, anh NBH là anh trai của anh NBB trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh NBB và chị NTM kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B, chị M chung sống tại huyện Chương Mỹ. Trong quá trình chung sống, giữa anh B và chị M có xảy ra cãi nhau nhưng đó là việc giữa anh B và chị M, còn nguyên nhân dẫn đến cãi nhau anh không để ý. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Thanh Oai ở từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh không có ý kiến gì vì quyền quyết định thuộc về cá nhân anh B và chị M. Anh B làm nghề lái xe taxi, sáng đi làm tối về nhà, việc chị M có đơn xin ly hôn với anh B thì anh B có biết nhưng do anh B bận đi làm nên không đến Tòa án để làm việc.

*Về con chung:* Anh B và chị có 02 con chung là cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 và cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu NBA đang ở cùng anh B, cháu Hải Anh đang sống cùng với chị M. Anh B vẫn hàng ngày chăm sóc cháu Bảo Anh B thường kể từ khi chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở cho đến nay.

*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Do anh chỉ là anh trai anh B nên không rõ vợ chồng anh B, chị M có tài sản chung hay không, về công nợ anh cũng không nắm được.

***Tại phiên tòa:*** Chị NTM giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NBB; chị M giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 và cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng hiện nay cháu NBA đang do anh B nuôi dưỡng nên chị đề nghị dành quyền nuôi dưỡng cháu NBA cho anh B nuôi dưỡng; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M không yêu cầu giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị NTM đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NBB không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTM và cho chị M được ly hôn anh NBB; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017 cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu NHA1 tròn 18 tuổi và giao cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 cho anh B nuôi dưỡng cho đến khi cháu NBA tròn 18 tuổi. Chị M và anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị M không yêu cầu giải quyết, anh NBB vắng mặt và không trình bày ý kiến của mình về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng nên không xem xét, trong trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu. *Về án phí:* Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Anh NBB hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*Về sự vắng mặt của anh NBB:* Anh NBB đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, không khai báo theo yêu cầu của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc anh B cố tình vắng mặt được coi là từ bỏ quyền của mình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NBB.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTM và anh NBB kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội ngày 14/9/2015 nên hôn nhân giữa chị M và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị M và anh NBH là anh trai của anh NBB thì giữa chị M và anh B có bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Thanh Oai để ở từ đầu năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay chị M cương quyết xin ly hôn với anh B. Nhận thấy: Chị M và anh B đã ly thân một thời gian tương đối dài (từ đầu năm 2019 đến nay), giữa chị M và anh B không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị M + anh B), nay chị M không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M và cho chị M được ly hôn anh B để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTM và anh NBB có 02 con chung là cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 và cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu NBA đang sống cùng anh B, cháu NHA1 đang sống cùng chị M. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng do cháu NBA đang do anh B trực tiếp chăm sóc nên chị đồng ý để anh B nuôi dưỡng cháu Bảo Anh, chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu NHA1. Xét thấy, chị M và anh B có 02 con chung và hiện mỗi người đang

trực tiếp nuôi dưỡng 01 cháu, cuộc sống các cháu đang ổn định nên cần giữ nguyên theo hiện trạng để không bị xáo trộn đến cuộc sống của các cháu cũng như bảo đảm về quyền được nuôi dưỡng con chung của cả chị M và anh B. Vì vậy, cần giao cháu NHA1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hải Anh đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác và giao NBA cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo Anh đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị NTM và anh NBB có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTM và anh NBB không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M và anh B cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp có yêu cầu về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị NTM phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTM được ly hôn anh NBB.
2. Về con chung: Chị NTM và anh NBB có 02 con chung là cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 và cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017.
  - + Giao cháu NHA1, sinh ngày 03/11/2017 cho chị NTM trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NHA1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.
  - + Giao cháu NBA, sinh ngày 09/5/2016 cho anh NBB trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NBA đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị NTM và anh NBB có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị NTM và anh NBB không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị M và anh B cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTM phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị NTM đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004177 ngày 24 tháng 7 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**6. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, chị NTM có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NBB có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Kim Thư, H. Thanh Oai
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoàng Long**